

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21-6-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ 14/01/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1983; thường trú: Ấp A, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh S; tạm trú: 316C/9, khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Đường N10, ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh D. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lâm Thành V, sinh năm 1976; thường trú: Ấp A, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh S; tạm trú: 316C/9, khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh B; địa chỉ nơi làm việc: Công ty TNHH một thành viên Châu Hoa Việt, số 11C khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lâm Thành V tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh S vào ngày 23/6/2006 theo giấy chứng nhận kết hôn số 62/2006, quyển số 01. Việc kết hôn của chị L và anh V là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận. Sau khi kết hôn, chị L và anh V cùng sống chung với gia đình nhà chồng tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh S, đến năm 2008 chuyển lên thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuê nhà trọ để ở và làm việc. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vì thương con nên chị L đã bỏ qua để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Năm 2018 chị L lại phát hiện anh V tiếp tục có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị L cung cấp file ghi âm có ghi âm lại sự thừa nhận của anh V, bên cạnh đó anh V còn đánh đập chị. Chị L đã dọn ra ngoài ở riêng được một thời gian. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Thành V.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lâm Thành V có 02 con chung là cháu Lâm Xuân M, sinh ngày 19/4/2004 và Lâm Tuấn K, sinh ngày 31/3/2012. Hiện các con chung đang sinh sống cùng với chị L. Trong đơn khởi kiện chị L yêu cầu sau ly hôn trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình tố tụng chị L yêu cầu sau ly hôn trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lâm Thành V: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý yêu cầu anh V có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng anh V không có ý kiến, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh V tham gia hòa giải nhưng anh V vắng mặt không có lý do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh V tham gia phiên tòa vào ngày 31/5/2019 và ngày 21/6/2019 nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 31/5/2019 và ngày 21/6/2019 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với qui định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lâm Thành V không còn tình cảm, nguyên nhân do anh V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, đồng thời đánh đập chị L, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Suốt quá

trình tố tụng, mặc dù anh V đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của chị L. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L là có căn cứ. Đề nghị, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Lâm Thành V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 31/5/2019 và ngày 21/6/2019 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lâm Thành V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh S theo giấy chứng nhận kết hôn số 62/2006, quyển số 01 ngày 23/6/2006 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng chị L xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cụ thể là anh V nhiều lần có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, rồi đánh đập chị. Mặc dù, theo biên bản xác minh ngày 08/4/2019 chính quyền địa phương xác định không biết nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng nhưng căn cứ vào nội dung cuộc nói chuyện giữa chị L và anh V trong đoạn ghi âm do chị L cung cấp thì anh V đã thừa nhận việc mình có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có đánh đập chị L. Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập anh V đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do chị L cung cấp nhưng anh V không đến. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với qui định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lâm Thành V có 02 con chung là cháu Lâm Xuân M, sinh ngày 19/4/2004 và Lâm Tuấn K, sinh ngày 31/3/2012. Hiện nay, các con chung đang sống cùng với chị L. Việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng anh V không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không. Đồng thời, cháu M là con gái còn cháu K còn nhỏ nên cần sự nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ, bên cạnh đó trong khoảng thời gian hai vợ chồng không sống chung với nhau thì các con chung đều do chị L trực tiếp nuôi dưỡng và vẫn đảm bảo cho các cháu phát triển về mọi mặt. Do đó, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong đơn khởi kiện chị L yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, tuy nhiên quá trình tố tụng chị L thay đổi không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Lâm Thành V (theo giấy chứng nhận kết hôn số 62/2006, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh S cấp ngày 23/6/2006).

2. Về con chung: Anh Lâm Thành V có trách nhiệm giao 02 con chung là cháu Lâm Xuân M, sinh ngày 19/4/2004 và Lâm Tuấn K, sinh ngày 31/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Kim L tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu anh Lâm Thành V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Lâm Thành V có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, chị Nguyễn Thị Kim L không có quyền cản trở anh Lâm Thành V thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027982 ngày 11/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh S;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Dĩ An, ngày 29 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hiếu Trọn.

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

Căn cứ vào Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi giờ phút ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh Trang, sinh năm 1990; thường trú: 18/6A, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

- Bị đơn: Anh Lê Thái Hòa, sinh năm 1987; thường trú: 23/24, khu phố Thắng Lợi 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Tổng Lê Chân, Tổng cục VIII – Bộ Công An.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ; sau khi thảo luận, thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất các vấn đề sau:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh Trang được ly hôn với anh Lê Thái Hòa.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về con chung: Buộc anh Lê Thái Hòa giao con chung là cháu Lê Minh Nhựt, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Minh Trang trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Minh Trang không yêu cầu anh Lê Thái Hòa cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Minh Trang và anh Lê Thái Hòa đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Thái Hòa lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị Minh Trang nuôi con thì chị Nguyễn Thị Minh Trang có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lê Thái Hòa theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh Trang phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019365, ngày 08/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt các đương sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa